

Số: 78 /KH-UBND

Yên Thế, ngày 09 tháng 11 năm 2017

KẾ HOẠCH

Thực hiện Đề án đẩy mạnh dạy tin học và ứng dụng CNTT trong trường phổ thông giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2025

Căn cứ Quyết định số 550/QĐ-UBND ngày 06/9/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang về ban hành Đề án đẩy mạnh dạy tin học và ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong trường phổ thông giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2025;

Căn cứ Hướng dẫn số 821/HD-SGDĐT ngày 14/9/2017 của Sở GD&ĐT Bắc Giang về Hướng dẫn xây dựng Kế hoạch thực hiện Đề án đẩy mạnh dạy tin học và ứng dụng CNTT trong trường phổ thông giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2025; từ thực trạng việc tổ chức dạy học Tin học và ứng dụng CNTT tại các trường tiểu học, THCS và tình hình thực tiễn của địa phương, UBND huyện xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tăng cường ứng dụng CNTT nhằm đẩy mạnh triển khai Chính phủ điện tử, Chính quyền điện tử, cung cấp dịch vụ công trực tuyến trong hoạt động quản lý, điều hành của toàn ngành; đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá, nghiên cứu khoa học và công tác quản lý tại các cơ sở giáo dục góp phần hiện đại hóa và nâng cao chất lượng GD&ĐT.

- Đổi mới toàn diện việc dạy và học tin học trong các trường phổ thông trên địa bàn huyện; triển khai có hiệu quả ngay từ những năm đầu áp dụng Chương trình giáo dục phổ thông (CTGDPT) mới, bảo đảm các mục tiêu, yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của người học.

- Từng bước kiện toàn đội ngũ giáo viên dạy học tin học, cán bộ chuyên trách CNTT tại các đơn vị, cơ sở giáo dục có đủ năng lực, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm; sắp xếp, bố trí đủ số lượng giáo viên tin học và nhân viên CNTT. Rà soát, chuẩn hóa, bổ sung và hoàn thiện cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ dạy và học bộ môn tin học và ứng dụng CNTT tại các trường phổ thông và toàn ngành GD&ĐT.

2. Yêu cầu

- Thực hiện tích hợp, lồng ghép với Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án đổi mới dạy và học tiếng Anh trong các trường phổ thông trên địa bàn huyện giai đoạn 2016-2020, các chương trình, dự án của huyện để triển khai kế hoạch, trong đó tập trung ưu tiên bổ sung và hoàn thiện cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ dạy và học môn Tin học và ứng dụng CNTT cho các trường. Đẩy mạnh xã hội hóa trong việc huy động các nguồn lực để thực hiện Kế hoạch.

- Triển khai thực hiện Đề án phải đảm bảo tính khoa học, cụ thể và khả thi về thời gian, phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương và lộ trình đổi mới Chương trình GDPT. Tăng cường các hoạt động kiểm tra, giám sát, đánh giá quá trình tổ chức thực hiện kế hoạch. Thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo, sơ kết và tổng kết việc thực hiện Đề án theo đúng thời gian quy định.

II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Mục tiêu cụ thể đến năm học 2020-2021

1.1. Dạy học tin học

- Năm học 2017-2018: Dạy thí điểm tin học ở các lớp 3, 4, 5 theo sách giáo khoa mới ở 04 trường có điều kiện về cơ sở vật chất và đội ngũ giáo viên, gồm: Thị trấn Cầu Gò, Thị trấn Bồ Hạ, Tân Sỏi, Phồn Xương;

- Năm học 2018-2019: Tổ chức dạy tin học theo CTGDPT mới đối với 100% học sinh lớp 3, 6; lớp 3, 4, 5 các trường tiểu học Thị trấn Cầu Gò, Thị trấn Bồ Hạ, Tân Sỏi, Phồn Xương;

- Năm học 2019-2020: Tổ chức dạy tin học theo CTGDPT mới đối với 100% học sinh các khối lớp 3, 4, 6, 7; lớp 3, 4, 5 các trường tiểu học Thị trấn Cầu Gò, Thị trấn Bồ Hạ, Tân Sỏi, Phồn Xương;

- Năm học 2020-2021: Dạy tin học theo CTGDPT mới đối với toàn bộ học sinh phổ thông từ lớp 3, 4, 5 (cấp tiểu học); lớp 6,7,8 (cấp THCS); để đến năm học 2021-2022 áp dụng đối với 100% học sinh từ lớp 3 đến lớp 9.

1.2. Ứng dụng CNTT

a) Trong công tác quản lý, điều hành

Hình thành cơ sở dữ liệu chung toàn ngành giáo dục; phấn đấu 100% các trường thực hiện quản lý hành chính, xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng; 70% cuộc họp giữa Phòng GD&ĐT và các trường được áp dụng hình thức trực tuyến; 70% số lớp bồi dưỡng chuyên môn được thực hiện qua mạng; 50% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến tối thiểu mức độ 3 trở lên, trong đó 30% được xử lý trực tuyến ở mức độ 4.

- Xây dựng khung kiến trúc và hệ thống cơ sở dữ liệu toàn ngành, xây dựng 01 điểm cầu phục vụ cho Hội nghị trực tuyến tại Phòng GD&ĐT và 21 điểm cầu (thiết bị đầu cuối) đặt tại các trường tiểu học hoặc trung học cơ sở có điều kiện về CSVC.

b) Trong đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá

Phấn đấu đến năm 2020, 100% giáo viên phổ thông khai thác và tham gia xây dựng hệ thống học tập điện tử do Bộ GD&ĐT triển khai; 100% các trường phổ thông biết khai thác, xây dựng kho học liệu số dùng chung toàn ngành (*gồm bài giảng, sách giáo khoa điện tử, phần mềm mô phỏng và các học liệu khác*); ứng dụng CNTT trong quản lý nhà trường, trong đó 70% trường học sử dụng hồ sơ, sổ sách quản lý điện tử.

2. Định hướng đến năm 2025

2.1. Tổ chức dạy học tin học hoàn toàn theo chương trình GDPT mới đối với 100% các khối lớp từ lớp 3 đến lớp 9.

2.2. Ứng dụng CNTT trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy học, nghiên cứu khoa học của toàn ngành giáo dục đạt trình độ tiên tiến so với mặt bằng chung cả nước, đáp ứng mục tiêu, yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT. Trong đó, 100% học sinh THCS sau khi tốt nghiệp có đủ năng lực Tin học để có thể sử dụng các ứng dụng CNTT và khai thác Internet phục học tập, cuộc sống. 100% các trường được kết nối với mạng diện rộng của tỉnh. 100% các trường trực thuộc trao đổi, xử lý công việc trên hệ thống quản lý văn bản và điều hành công việc tập trung. 95% các cuộc họp của ngành GD&ĐT được tổ chức qua môi trường trực tuyến. 100% dịch vụ công của toàn ngành GD&ĐT được thực hiện trực tuyến mức độ 3, trong đó 55% mức độ 4. Tích hợp hệ thống thông tin của toàn ngành GD&ĐT trên một hệ thống tích hợp, tập trung.

3. Nhiệm vụ và giải pháp

3.1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức đối với nhiệm vụ dạy Tin học và ứng dụng CNTT

Nâng cao nhận thức của cán bộ, giáo viên và học sinh trong toàn ngành GD&ĐT về vị trí, vai trò của CNTT nói chung, bộ môn Tin học nói riêng trong sự phát triển của khoa học công nghệ, của kinh tế tri thức và hội nhập quốc tế; đội ngũ CBQL, giáo viên ngành GD&ĐT phải tiên phong trong việc ứng dụng CNTT vào công tác quản lý, giảng dạy. Chuyển biến trong nhận thức về ứng dụng CNTT của toàn ngành GD&ĐT là động lực thúc đẩy đổi mới GD&ĐT.

Tiếp tục quán triệt Kế hoạch số 85-KH/HU ngày 24/10/2014 của Huyện ủy Yên Thế về thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2014 của Ban

Chấp hành Trung ương Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT...,

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện kế hoạch tại các địa phương, các trường. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của người đứng đầu trong việc chỉ đạo và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nhiệm vụ dạy Tin học và ứng dụng CNTT của các đơn vị; lựa chọn các đơn vị tiêu biểu để phổ biến, nhân rộng điển hình; khen thưởng kịp thời những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong quá trình tổ chức thực hiện kế hoạch.

3.2. Xây dựng kế hoạch chuẩn hóa nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu dạy Tin học và ứng dụng CNTT

Thực hiện rà soát, sắp xếp đội ngũ giáo viên Tin học, nhân viên phụ trách CNTT đảm bảo cơ cấu định mức, đủ về số lượng, đáp ứng yêu cầu về chất lượng, có tinh thần trách nhiệm cao; xây dựng kế hoạch về nhu cầu biên chế và sắp xếp đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu về vị trí việc làm, phù hợp với kế hoạch về nguồn nhân lực của huyện.

Bổ trí hợp lý đội ngũ giáo viên dạy Tin học trong các trường Tiểu học, THCS trên địa bàn huyện; thực hiện phương án bố trí giáo viên dạy liên trường, giáo viên dạy liên môn để đảm bảo định mức lao động theo quy định; tiếp tục tham mưu với UBND huyện thực hiện đảm bảo tiến độ kế hoạch nhập các trường có quy mô nhỏ trên cùng một địa bàn xã, thị trấn để sử dụng nguồn nhân lực giáo viên dồi dư; ưu tiên tuyển dụng giáo viên ở các đơn vị chưa có giáo viên Tin học chính quy.

Tăng cường công tác tự bồi dưỡng, xây dựng kế hoạch cho đi đào tạo, đào tạo lại, cập nhật kiến thức cho đội ngũ giáo viên Tin học, cán bộ kiêm nhiệm, chuyên trách CNTT tại các trường đáp ứng yêu cầu của chương trình GDPT mới. Khuyến khích và tạo điều kiện để giáo viên được học tập theo các chương trình, dự án. Phấn đấu đến năm 2020 có đủ giáo viên dạy Tin học ở cấp tiểu học và THCS, 100% các trường TH, THCS có cán bộ phụ trách CNTT.

Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng sử dụng CNTT cho cán bộ, giáo viên và nhân viên trong toàn ngành giáo dục, phấn đấu 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên các trường sử dụng CNTT thành thạo trong công việc, có năng lực đạt theo chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT ban hành kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông

Duy trì đội ngũ giáo viên cốt cán làm nòng cốt trong công tác bồi dưỡng giáo viên ở các cấp học; nghiên cứu cập nhật kiến thức mới đáp ứng yêu cầu, mục tiêu bộ môn Tin học theo chương trình GDPT mới; tích cực đổi mới

phương pháp dạy học, áp dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, kiểm tra, đánh giá, nghiên cứu khoa học kỹ thuật về CNTT.

Nâng cao năng lực ứng dụng CNTT cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên không chuyên về Tin học thông qua hoạt động bồi dưỡng, tập huấn, cập nhật kiến thức, kỹ năng ứng dụng CNTT theo Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT hiện hành. Trong đó, tăng cường, quản lý, bồi dưỡng, tập huấn theo hướng trực tuyến, trên môi trường mạng gắn với các khóa đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về ứng dụng CNTT do tỉnh tổ chức.

3.3. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng CNTT và thiết bị dạy học

Trên cơ sở nguồn ngân sách của huyện hằng năm, UBND huyện cân đối và phân bổ cho các trường để bổ sung cơ sở vật chất tối thiểu phục vụ hoạt động dạy học Tin học và ứng dụng CNTT. Đẩy mạnh công tác XHH, huy động tổng hợp các nguồn lực đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trường học và mua sắm trang bị máy tính, máy chiếu, thiết bị hỗ trợ giảng dạy thông minh đối với các trường TH, THCS; thiết bị hỗ trợ công tác quản lý; ngân sách tỉnh đầu tư trang bị 01 phòng họp trực tuyến đặt tại Phòng GD&ĐT huyện, ngân sách huyện đầu tư trang bị 21 phòng họp trực tuyến (thiết bị đầu cuối 55 triệu đồng, gồm: 01 tivi 55 inch, 01 bộ giải mã tín hiệu, 01 Camera, 01 Micro đa hướng, 01 tài khoản) đặt tại trường tiểu học hoặc trung học cơ sở trên địa bàn xã, thị trấn có cơ sở vật chất (phòng họp có diện tích đủ rộng) đảm bảo cho việc tổ chức các cuộc họp trực tuyến do ngành triển khai; trước mắt mỗi xã, thị trấn chọn 01 trường là điểm cầu.

Xây dựng chuẩn về Phòng học Tin học cho các trường, trang bị đủ máy tính phục vụ dạy học môn Tin học theo quy định của Bộ GD&ĐT. Các phòng máy tính phục vụ dạy học phải được nối mạng Internet.

Thực hiện tích hợp giữa phòng học Tin học với phòng học ngoại ngữ nhằm giảm chi phí đầu tư, khai thác tối đa, hiệu quả cơ sở vật chất, không chỉ phục vụ dạy học ngoại ngữ và Tin học mà còn có thể ứng dụng cho việc học tập các môn khoa học khác cũng như các hoạt động giáo dục khác trong các trường.

Tích cực vận động các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, phụ huynh học sinh ủng hộ, tài trợ đầu tư mua sắm trang thiết bị dạy học Tin học, phòng học Tin học. Việc tài trợ thực hiện theo quy định tại Thông tư số 29/2012/TT-BGDĐT ngày 10/9/2012 của Bộ trưởng bộ GD&ĐT. Từ nguồn ngân sách huyện, xã, kinh phí sự nghiệp GD&ĐT và nguồn huy động hợp pháp khác tập trung, từng bước mua sắm đủ số máy tính cho các phòng Tin học trong các nhà trường.

3.4. Đổi mới các hoạt động dạy và học, hình thức thi, kiểm tra, đánh giá

Triển khai thực hiện nghiêm túc, đồng bộ Chương trình mới ở các cấp học đảm bảo chất lượng. Đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học theo hướng hiện đại, coi việc đổi mới phương pháp, áp dụng các kỹ thuật dạy học tích cực, đổi mới kiểm tra, đánh giá là yêu cầu bắt buộc và là tiêu chí đánh giá, xếp loại, sàng lọc giáo viên; đổi mới hình thức tổ chức dạy học giúp giáo viên và người học từ hiểu cho đến biết vận dụng vào thực tiễn, kết thúc Chương trình GDPT học sinh được trang bị đầy đủ những kỹ năng tối thiểu để trở thành những công dân điện tử trong thời kỳ hội nhập và kinh tế tri thức; coi việc nâng cao năng lực sử dụng Tin học và tiếng Anh là một trong những khâu đột phá để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Đẩy mạnh việc đổi mới các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh theo hướng phát triển năng lực, kiểm tra đánh giá đầy đủ các kỹ năng sử dụng, vận dụng kiến thức của người học; kiểm tra năng lực thông qua các dự án, hồ sơ học tập, đảm bảo yêu cầu về năng lực sử dụng Tin học vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn. Việc kiểm tra, đánh giá năng lực của học sinh phải phản ánh mức độ đáp ứng các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực quy định trong Chương trình GDPT.

3.5. Từng bước xây dựng hệ thống giáo dục điện tử, trường học điện tử

Căn cứ điều kiện thực tiễn và khả năng của từng địa phương, nhà trường, UBND huyện khuyến khích các đơn vị từng bước triển khai, áp dụng hệ thống giáo dục điện tử, trường học điện tử đảm bảo nguyên tắc ứng dụng CNTT một cách hiệu quả, thiết thực, nhằm hiện đại công tác quản lý, đổi mới phương pháp dạy học, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

Từng bước củng cố cơ sở vật chất, hạ tầng và trang thiết bị CNTT phục vụ quản lý và dạy học bao gồm: mạng LAN, Internet tốc độ cao, mạng không dây (wifi), phòng máy tính, máy tính phục vụ quản lý, máy tính phục vụ chuyên môn, máy in, webcam/camera, thiết bị trình chiếu (máy chiếu, màn hình)... và một số trang thiết bị tiên tiến, các thiết bị được bố trí trong phòng có đủ diện tích, ánh sáng và bàn ghế, tiện nghi phục vụ phù hợp.

Triển khai phần mềm quản lý nhà trường trong toàn huyện để đồng bộ và đưa vào cơ sở dữ liệu giáo dục của huyện và tỉnh; các chương trình quản lý giáo dục tích hợp hệ thống Website cho các trường học, Phòng GD&ĐT; Xây dựng hệ thống Trung tâm học liệu điện tử, tích hợp, quản lý, chia sẻ cơ sở dữ liệu về hệ thống bài giảng điện tử, sách điện tử, các phần mềm dạy học, các tư liệu khác

về dạy học và đổi mới phương pháp dạy học, dự kiến thời gian triển khai từ năm 2018. Khảo sát, xây dựng hệ thống thông tin, tích hợp với hệ thống cơ sở dữ liệu của toàn ngành, dự kiến triển khai từ năm học 2018-2019.

Lựa chọn và đưa vào sử dụng hệ thống các phần mềm hỗ trợ quản lý, đổi mới phương pháp dạy học phù hợp và có khả năng tích hợp với trang thông tin điện tử, cổng thông tin điện tử của tất cả các trường.

Đẩy mạnh xã hội hóa, thực hiện lồng ghép các chương trình, dự án trong việc đảm bảo các nguồn lực đầu tư duy trì hạ tầng giáo dục điện tử, trường học điện tử trong các trường học.

III. NHU CẦU NGUỒN KINH PHÍ VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

1. Nhu cầu kinh phí

Tổng kinh phí để thực hiện Kế hoạch là 7.527,88 triệu đồng, trong đó:

- Kinh phí đầu tư cơ sở vật chất dạy học Tin học là 4.470 triệu đồng;
- Đầu tư cơ sở vật chất ứng dụng CNTT, phòng họp trực tuyến các trường học là 1.683 triệu đồng;
- Đầu tư phần mềm dùng chung là 1.281,28 triệu đồng.
- Kinh phí đầu tư trang bị 01 phòng họp trực tuyến cho Phòng GD&ĐT là 93.6 triệu đồng.

(Lộ trình nhu cầu về kinh phí thực hiện kế hoạch, theo phụ lục IV)

2. Nguồn kinh phí và lộ trình thực hiện

Nguồn kinh phí để thực hiện kế hoạch được cân đối từ nguồn ngân sách tỉnh, ngân sách huyện, ngân sách xã và nguồn huy động XHH, cụ thể như sau:

- Ngân sách tỉnh đầu tư trang bị 01 phòng họp trực tuyến cho Phòng GD&ĐT với tổng kinh phí là: 93,6 triệu đồng.
- Ngân sách huyện: 6.178,424 triệu đồng;
- Ngân sách xã và XHH giáo dục: 1.255,856 triệu đồng.
- Các trường chủ động bố trí kinh phí mua bổ sung máy chiếu, máy in và máy tính nếu còn thiếu.

(Lộ trình thực hiện về kinh phí, theo phụ lục V)

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Giáo dục và Đào tạo

Là cơ quan thường trực, chủ trì tham mưu thực hiện kế hoạch, giúp UBND huyện chỉ đạo, triển khai, đánh giá và tổng hợp tình hình thực hiện kế hoạch.

Hàng năm hướng dẫn các trường xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện; phối hợp với phòng TC-KH tham mưu phân bổ nguồn ngân sách hỗ

trợ thực hiện kế hoạch; phối hợp với phòng Nội vụ trong việc xây dựng kế hoạch về tuyển dụng biên chế giáo viên dạy Tin học, nhân viên Tin học cho các nhà trường trình UBND huyện phê duyệt; tổ chức tuyên truyền các điển hình tiên tiến trong tổ chức thực hiện kế hoạch, đánh giá thi đua khen thưởng. Hàng năm tổ chức sơ kết báo cáo UBND huyện, Sở GD&ĐT.

2. Phòng TC-KH

Phối hợp với Phòng GD&ĐT tham mưu với UBND huyện cân đối, bố trí nguồn kinh phí thực hiện kế hoạch; chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn các trường học quản lý, sử dụng và thanh quyết toán các nguồn vốn thực hiện kế hoạch.

3. Phòng Nội vụ

Chủ trì phối hợp với Phòng GD&ĐT tham mưu với UBND huyện đề nghị UBND tỉnh tuyển dụng và xác định số lượng, cơ cấu đội ngũ giáo viên Tin học, nhân viên CNTT cho các nhà trường đảm bảo đủ về số lượng, có chất lượng và năng lực đạt chuẩn theo quy định.

4. Phòng VH-TT

Phối hợp với Phòng GD&ĐT trong việc xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý về CNTT tại các phòng, ban, các đơn vị trường học trên địa bàn huyện theo Chương trình phát triển nguồn nhân lực CNTT của huyện.

5. Đài TT&TH

Bằng nhiều hình thức, tích cực tuyên truyền để cán bộ, giáo viên, học sinh và toàn dân tham gia hưởng ứng việc thực hiện kế hoạch; tuyên truyền, phổ biến gương điển hình tiêu biểu trong quá trình tổ chức thực hiện.

6. UBND các xã, thị trấn

Bố trí huy động các nguồn lực tại địa phương để tăng cường đầu tư xây dựng CSVC trường học, mua sắm thiết bị, phương tiện dạy học Tin học và ứng dụng CNTT theo lộ trình đề ra trong kế hoạch. Phối hợp với Phòng GD&ĐT trong việc kiểm tra, giám sát các đơn vị trường học tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch, quản lý đội ngũ giáo viên, nhân viên tại địa phương,

7. Chế độ kiểm tra, báo cáo, sơ kết, tổng kết

Tăng cường các hoạt động giám sát, đánh giá: Hàng năm, UBND huyện giao cho Phòng GD&ĐT tổ chức kiểm tra đánh giá, báo cáo kịp thời UBND huyện; biểu dương, khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích tiêu biểu đồng thời nhắc nhở, kiểm điểm các đơn vị, cá nhân chưa hoàn thành tốt nhiệm vụ ứng dụng CNTT trong dạy-học, kiểm tra, đánh giá.

Định kỳ 6 tháng hằng năm các cơ quan nêu trên, UBND các xã thị trấn và các đơn vị có liên quan báo cáo UBND huyện trước ngày 01/6 và 01/12 kết quả thực hiện Kế hoạch (qua Phòng GD&ĐT).

UBND huyện yêu cầu các cơ quan liên quan phối hợp chặt chẽ với Phòng Giáo dục và Đào tạo, huy động các nguồn lực thực hiện hiệu quả Kế hoạch ./. *Tydel*

Nơi nhận:

Lưu: VT.

Bản điện tử:

- UBND tỉnh Bắc Giang (b/c);
- Sở Giáo dục và Đào tạo (b/c);
- Thường trực HU, HĐND(b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Các cơ quan, ban ngành, đoàn thể huyện;
- UBND các xã, thị trấn: (đề t/h);
- Cổng Thông tin điện tử huyện.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



[Handwritten signature]
Nguyễn Ngọc Sơn

THỰC TRẠNG VÀ NHU CẦU BỔ SUNG CƠ SỞ VẬT CHẤT ĐẦY ĐÚNG TÍNH HỌC TỪ NAY ĐẾN NĂM 2020



TT	Đơn vị	Bậc học	CƠ SỞ VẬT CHẤT HIỆN TẠI					NHU CẦU BỔ SUNG										
			Thực trạng HS Năm học 2017-2018	KH về HS đến năm 2020	Tổng số phòng máy	Tổng số máy vi tính còn sử dụng được	Số máy in	Số máy chiếu	Đường Internet (1-Cấp quang 0-Cấp đồng)	Số máy đã kết nối mạng nội bộ (LAN)	Số máy truy cập được Internet	Số phòng máy	Số máy tính	Số máy in	Số máy chiếu	Số đường Internet cho phòng máy HS	Tổng số máy tính đến năm 2020	Số HS/máy
Yên Thế		TH	7899	8814	20	177	56	56	20	263	263	0	106	26	29	9	283	27.88
		TH&THCS	1028	798	1	6	7	11	17	27	27	2	49	4	4	2	55	18.69
		THCS	5261	5827	18	140	54	44	23	253	253	4	182	12	26	9	322	16.34
		Cộng	14178	15439	39	323	117	111	60	543	543	6	337	42	59	20	660	21.48
1	TT Bả Hạ	TH	558	559	1	11	5	2	1	25	25	8	8	1	2	0	19	29.37
		THCS	362	378	1	6	3	2	1	14	14	15	1	1	2	1	21	17.24
2	Đồng Lạc	TH	250	298	1	5	4	1	1	9	9	5	5	1	2	1	10	25.00
		THCS	147	155	1	4	4	3	1	11	11	8	8	0	0	1	12	12.25
3	Xuân Lương	TH	327	372	1	6	6	6	1	9	9	1	5	2	2	0	11	29.73
		TH&THCS	345	336	1	8	3	3	1	5	5	1	20	2	2	1	20	17.25
4	Hồng Kỳ	THCS	201	217	1	8	3	3	1	14	14	5	5	2	2	0	13	15.46
		TH	354	402	1	4	3	3	1	10	10	8	8	2	2	1	12	29.50
5	Đồng Kỳ	THCS	240	254	1	8	2	2	1	15	15	7	7	1	1	1	15	16.00
		TH	449	459	1	7	2	2	1	15	15	8	8	1	2	0	17	29.93
6	Cánh Nâu	THCS	276	279	1	10	4	2	1	16	16	7	7	2	4	0	17	16.24
		TH	505	558	1	12	2	2	2	10	10	5	5	2	2	0	20	29.71
7	Hương Vỹ	THCS	306	360	1	15	2	2	2	15	15	5	5	2	2	0	20	15.30
		TH	458	467	1	10	1	2	1	9	9	5	5	2	1	1	15	30.53
8	Đồng Vương	TH	301	312	1	15	0	2	1	20	20	5	5	1	2	1	14	27.57
		THCS	386	483	1	9	3	3	1	14	14	10	10	1	2	0	12	19.17
9	Tiền Thắng	THCS	230	251	1	2	3	1	1	10	10	10	10	1	1	0	13	27.85
		TH	362	431	1	6	4	4	2	3	3	1	7	1	2	1	15	12.20
10	Tam Tiến	THCS	183	191	1	5	5	2	2	4	4	1	15	2	2	1	20	30.00
		TH	600	677	1	7	1	1	1	10	10	13	13	2	3	1	15	20.00
11	Tân Sỏi	THCS	300	313	1	5	3	3	1	17	17	0	10	1	0	0	17	23.65
		TH	402	391	1	17	3	6	1	17	17	0	0	1	0	0	15	19.27
12	Tân Hiệp	THCS	289	296	1	5	4	3	1	8	8	10	10	1	2	0	12	23.92
		TH	287	342	1	12	4	3	1	18	18	1	12	1	1	0	12	14.75
13	Đồng Sơn	TH	177	187	1	0	2	2	1	3	3	1	3	1	1	0	12	25.00
		TH&THCS	300	341	1	9	1	3	1	9	9	1	20	1	2	1	20	19.05
14	TT Cầu Gò	THCS	381	277	1	4	2	2	1	4	4	1	15	1	2	1	15	15.33
		TH	230	245	1	4	4	3	1	4	4	1	8	2	2	0	19	30.26
15	Phồn Xương	THCS	468	476	1	15	5	3	1	20	20	1	9	1	2	0	23	20.35
		TH	294	364	1	7	3	3	1	18	18	5	5	2	1	0	12	24.50
16	Đồng Tiến	THCS	194	378	1	4	3	3	1	5	5	10	10	1	2	0	14	13.86
		TH	370	435	1	5	6	2	1	9	9	10	10	1	1	1	15	24.67
17	Bả Hạ	THCS	213	265	1	7	5	2	1	12	12	5	5	2	2	0	12	17.75
		TH	415	458	1	14	3	4	1	21	21	0	0	0	0	0	14	29.64
18	Tam Hiệp	THCS	237	350	1	6	2	2	1	10	10	10	10	1	1	0	16	14.81
		TH	310	364	1	7	4	3	1	8	8	4	4	1	1	1	11	28.18
19	Đồng Hữu	THCS	196	199	1	7	1	1	1	10	10	5	5	1	1	0	12	16.33
		TH	347	424	1	6	4	2	1	11	11	6	6	1	2	0	12	28.92
20	An Thượng	THCS	255	259	1	9	3	1	1	15	15	6	6	2	2	1	15	17.00
		TH	340	412	1	13	4	4	1	22	22	0	0	1	0	0	13	26.15
21	Đồng Tam	THCS	229	234	1	4	3	2	1	10	10	10	10	2	2	0	14	16.36
		TH&THCS	302	185	1	6	4	3	15	18	18	9	9	1	1	0	15	20.13
22	PT DTNT		227	228	1	10	5	1	1	28	28	4	4	1	0	14	16.21	

LỘ TRÌNH TRANG BỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ CÔNG TÁC QUẢN LÝ TRONG CÁC TRƯỜNG TH, THCS
 GIAI ĐOẠN 2017-2020

Phụ lục II

TT	Đơn vị	Bậc học	Số đơn vị	Tổng giai đoạn 2016-2020				Chia ra theo các năm								
				Máy chiếu	Máy quét	Máy in	Phòng họp trực tuyến	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021					
Văn Thê				Máy chiếu	Máy quét	Máy in	Phòng họp trực tuyến	Máy chiếu	Máy quét	Máy in	Phòng họp trực tuyến	Máy chiếu	Máy quét	Máy in	Phòng họp trực tuyến	
1	TT Bồ Hả	TH	20	0	20	0	8	0	0	0	0	0	0	20	0	0
		TH&THCS	3	0	3	0	1	0	0	0	0	0	0	3	0	0
		THCS	21	0	21	0	12	0	0	0	0	0	0	21	0	0
				Công	0	44	0	21	0	0	0	0	44	0	0	
2	Đông Lạc	TH	1				1						1			
		THCS	1				1						1			
3	Xuân Lương	TH	1				1						1			
		TH&THCS	1				1						1			
4	Hồng Kỳ	TH	1				1						1			
		THCS	1				1						1			
5	Đông Kỳ	TH	1				1						1			
		THCS	1				1						1			
6	Cánh Nâu	TH	1				1						1			
		THCS	1				1						1			
7	Hương Vỹ	TH	1				1						1			
		THCS	1				1						1			
8	Đông Vương	TH	1				1						1			
		THCS	1				1						1			
9	Tiền Thăng	TH	1				1						1			
		THCS	1				1						1			
10	Tam Tiến	TH	1				1						1			
		THCS	1				1						1			
11	Tân Sài	TH	1				1						1			
		THCS	1				1						1			
12	Tân Hiệp	TH	1				1						1			
		THCS	1				1						1			
13	Đông Sơn	TH	1				1						1			
		TH&THCS	1				1						1			
14	TT Cầu Gò	TH	1				1						1			
		THCS	1				1						1			
15	Phân Xương	TH	1				1						1			
		THCS	1				1						1			
16	Đông Tiến	TH	1				1						1			
		THCS	1				1						1			
17	Bồ Hả	TH	1				1						1			
		THCS	1				1						1			
18	Tam Hiệp	TH	1				1						1			
		THCS	1				1						1			
19	Đông Hương	TH	1				1						1			
		THCS	1				1						1			
20	An Thương	TH	1				1						1			
		THCS	1				1						1			
21	Đông Tâm	TH	1				1						1			
		TH&THCS	1				1						1			
22	PT DINT	Văn Thê	1				1						1			

